

Bản án số: 136/2020/HS-PT

Ngày: 10/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: Ông Trương Cao Sơn và ông Nguyễn Văn Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2020/TLPT-HS ngày 03/8/2020 đối với các bị cáo Cao Trần T, Phan Ngọc P, do có kháng cáo của các bị cáo Cao Trần T, Phan Ngọc P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Cao Trần T; sinh ngày 09 tháng 02 năm 2002, tại tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm x, xã Q, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ x, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ làm tủ nhựa; trình độ văn hoá: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Văn Th, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/11/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Ngọc P; sinh ngày 14 tháng 5 năm 1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ x, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Sửa xe ô tô; trình độ văn hoá: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Ngọc Tr (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/11/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Cao Trần T:* Ông Cao Văn Th, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Xóm x, xã Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Ông Cao Văn Th vắng mặt, bà Vũ Thị Th có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Trần T:* Bà Đỗ Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 50 ngày 24/7/2019, bị cáo Cao Trần T không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 59P2- 470.92, có dung tích xi lanh 150cm, lưu thông trên đường Quốc lộ 1A, theo hướng Huế - Phú Lộc, với tốc độ khoảng 90km/h-100km/h (theo lời khai của T); sau xe chở anh Trần Văn H và anh Hoàng Văn B (anh H khai T điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 100km/h). Khi đến gần Km 838+ 420 Quốc lộ 1A (vị trí xảy ra tai nạn), thuộc địa phận phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đoạn đường này thẳng, phẳng, được rải bê tông nhựa rộng 23m, được chia thành 02 chiều xe chạy bởi dải phân cách cứng rộng khoảng 02 mét (bồn hoa), mỗi chiều đường rộng 10m50; khoảng cách không có dải phân cách cứng, rộng 22m, là nơi để cho các phương tiện chuyển hướng, quay đầu và người đi bộ qua đường, bên phải đường (chiều Huế-Phú Lộc) có biển chỉ dẫn: “đường người đi bộ sang ngang”. T vẫn điều khiển xe chạy với tốc độ trên và đi về phía bên trái đường (gần dải phân cách) để vượt một xe ô tô cùng chiều. Cùng lúc này, bị cáo Phan Ngọc P không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định; điều khiển xe mô tô mang BKS 75F1-139.91, có dung tích xi lanh 107cm (xe của bà Lê Thị C là mẹ của P), chuyển hướng từ trên lề đường phải (theo chiều Huế-Phú Lộc). Khi P điều khiển xe mô tô chuyển hướng dẫn đến dải phân cách thì xe mô tô do T điều khiển đã tông vào xe mô tô do P điều khiển gây ra tai nạn.

- *Hậu quả:* Anh Hoàng Văn B bị chết tại chỗ, bị cáo P, bị cáo T bị thương; Hai xe mô tô hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tử thi, được xác định như sau: - Khám nghiệm hiện trường:

Hướng khám nghiệm: Huế - Phú Lộc, Mốc khám nghiệm: Trụ đèn số 204 nằm trên dải phân cách cố định giữa đường. Chọn mép lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm mép đường chuẩn.

Từ mốc khám nghiệm cách 22m là vị trí tâm đám nhựa vỡ (1) kích thước 0,9m x 0,9m có tâm cách mép lề đường chuẩn 08m. Từ vị trí tâm đám nhựa vỡ (1) cách 1m00 là vị trí điểm đầu vết cày nhựa đường dài 0,1m (2), có điểm đầu và điểm cuối cách mép lề đường chuẩn lần lượt là 09m30 và 08m32. Từ vị trí điểm cuối vết (2) cách 0m40, là điểm đầu của vết loang chất lỏng màu đen (nghi nhót) (3) rộng 0m90 dài 26m90, có điểm đầu cách mép lề đường chuẩn 8m60, điểm cuối trùng với lốc xe máy bên phải xe mô tô mang biển kiểm soát 75F1-139.91 (8). Xe mô tô mang biển kiểm soát 75F-139.91 (8) có trục bánh trước và trục bánh sau cách mép lề đường chuẩn lần lượt là 8m10 và 9m40. Từ vị trí điểm đầu của vết loang chất lỏng màu đen (3) cách 0m90 là vị trí điểm đầu vết cày đường (4) rộng 0m40 dài 7m10, có điểm đầu và điểm cuối cách mép lề đường chuẩn lần lượt là 8m35 và 8m50. Từ vị trí điểm cuối vết cày đường (4) cách 2m10 chệch hướng giải phân cách cố định giữa đường, trên giải phân cách cố định và vết chà sát trên bề mặt dải phân cách kích thước 0m15x 0m02 và đám cây bị ngã giật kích thước 1m90 x4m00 (5), có điểm đầu cách mép lề đường chuẩn 10m50 có dính chất màu đen trên bề mặt kích thước 15cmx02cm và cách mặt đất 20cm. Từ điểm đầu (5) cách 09m là vị trí trục bánh trước xe mô tô biển kiểm soát: 52P2-470.92 (10), xe mô tô đang nằm nghiêng bên trái (ở phần đường xe ngược chiều Phú Lộc-Huế), có trục bánh trước và trục bánh sau lần lượt cách giải phân cách cố định giữa đường bên trái là 1m60 và 2m60. Từ vị trí trục bánh trước xe mô tô biển kiểm soát: 52P2-470.92 (10) ngược hướng khám nghiệm 0m50 là vị trí tâm đám máu (9) kích thước 0m60 x 0m80, có tâm cách mép dải phân cách cố định bên trái là 1m90. Ngược chiều mốc khám nghiệm cách 9m00 trên lề đường phải cách có biển chỉ dẫn đường bộ sang ngang”.

- Khám nghiệm phương tiện:

+ Xe mô tô biển kiểm soát: 52P2-470.92: Cụm đèn pha phía trước bị vỡ bung rời khỏi vị trí ban đầu, hệ thống phuộc trước bị cong vênh, biến dạng hướng trước sau, mặt bên phải của vành lốp trước có bám dính nhiều vết dầu nhớt.

+ Xe mô tô Biển kiểm soát 75F1-139.91: Mang xe trái, phải bị vỡ hoàn toàn. Sườn xe phía bên trái phát hiện dấu vết móp méo, biến dạng kim loại hướng trái phải kích thước 14cmx6cm. Hệ thống máy có vết đầu trước rời khỏi vị trí ban đầu, nắp bảo vệ máy phía bên trái chà sát làm sạch bụi phía trước kích thước 10cmx4cm, mặt bên trái phát hiện vết vỡ kim loại kích thước 13cmx10cm. Càng số phía trước bị cong vênh, biến dạng về phía sau.

- Khám nghiệm tử thi: Tại bản kết luận Giám định pháp y Số 338/GĐ ngày 07/8/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận về nguyên nhân chết của anh Hoàng Văn B như sau:

1. Các kết quả giám định: Da, niêm mạc trắng nhợt. Xương trán phía trên cung mày phải biến dạng lún xuống. Vỡ lún phức tạp xương trái phải. Xương hóc mắt phải vỡ nham nhở nhiều mảnh. Dập não, xuất huyết não vùng trán phải, Trật khớp háng trái.

2. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não.

Tại bản kết luận Giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 421-19/TgT ngày 04/10/2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế, đã kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phan Ngọc P là 54%.

Tại bản kết luận Giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 422-19/TgT ngày 07/10/2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế, đã kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Cao Trần T là 03%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, kết luận xe mô tô Biển kiểm soát 75F1 139.91 bị hư hỏng, thiệt hại là 9.050.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 13/02/2020 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, kết luận xe mô tô Biển kiểm soát 52P2 - 470.92 bị hư hỏng, thiệt hại 2.272.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ gồm: 01 xe mô tô Biển kiểm soát 52P2- 470.92; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 75F1-139.91 và đã chuyển giao vật chứng cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự với tổng số tiền 70.000.000 đồng (trong đó T phải bồi thường 50.000.000 đồng; P phải bồi thường 20.000.000 đồng), hiện tại bị cáo T và gia đình đã bồi thường đầy đủ số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo P và gia đình đã bồi thường 15.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại. Còn thiệt hại về sức khỏe và tài sản của các bị cáo thì bị cáo T và bị cáo P thỏa thuận tự giải quyết với nhau, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cao Trần T và Phan Ngọc P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 54; điều 90; điều 91; điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Cao Trần T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phan Ngọc P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/6/2020 các bị cáo Cao Trần T, Phan Ngọc P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cho hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo nhận tội và vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình. Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm về tính hợp pháp của kháng cáo và Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa Cao Trần T, Phan Ngọc P khai nhận: Khoảng 21 giờ 50 ngày 24/7/2019, Cao Trần T không có Giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 59P2- 470.92 lưu thông trên đường Quốc lộ 1A, theo hướng Huế- Phú Lộc, với tốc độ khoảng 90km/h-100km/h; sau xe chở anh Trần Văn H và anh Hoàng Văn B. Khi đến gần Km 838+420 Quốc lộ 1A (vị trí xảy ra tai nạn), bị cáo T vẫn điều khiển xe chạy với tốc độ trên và đi về phía bên trái đường (gần dải phân cách) để vượt một xe ô tô cùng chiều. Cùng lúc này, Phan Ngọc P không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định; điều khiển xe mô tô mang BKS 75F1-139.91 chuyên hướng từ trên lề đường phải (theo chiều Huế-Phú Lộc). Khi P điều khiển xe mô tô chuyên hướng dần đến dải phân cách thì xe mô tô do T điều khiển đã tông vào xe mô tô do P điều khiển gây tai nạn. Hậu quả: anh Hoàng Văn B bị chết tại chỗ, P và T bị thương. Hai xe mô tô hư hỏng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị

cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật.

Lỗi trong vụ án này là do lỗi hỗn hợp của cả bị cáo và bị hại. Trong đó: Lỗi của bị cáo Cao Trần T là chủ yếu khi điều khiển xe mô tô nhưng không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi có biển báo chỉ dẫn người đi bộ sang ngang và vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định; điều khiển xe mô tô chở quá số người quy định và chạy với tốc độ rất cao (90-100km/h) là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn, vi phạm khoản 9 Điều 8; khoản 1, 4 Điều 11; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ. Lỗi của bị cáo Phan Ngọc P là điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định; chuyển hướng xe nhưng không đảm bảo an toàn, vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8, khoản 1,2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ. Lỗi của bị hại Hoàng Văn B là khi tham gia giao thông cùng với bị cáo T đã không tuân theo đúng quy định pháp luật về việc ngồi trên phương tiện chở quá số lượng người cho phép; thấy bị cáo T điều khiển phương tiện giao thông vượt quá tốc độ cho phép, bị hại không khuyến bảo mà thậm chí còn cùng tham gia cho đến khi tai nạn xảy ra.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Cao Trần T, Phan Ngọc P Hội đồng xét xử thấy:

- Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháp luật và xã hội. Nhưng do ý thức chủ quan các bị cáo đã không tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông trong quá trình tham gia giao thông dẫn đến việc phạm tội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe trong phòng chống tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo để xử phạt bị cáo Cao Trần T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Phan Ngọc P 02 (hai) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét về mức độ lỗi thì lỗi trong vụ án này là do lỗi hỗn hợp của cả các bị cáo và bị hại; mặt khác, các bị cáo có tỷ lệ tổn thương cơ thể khá cao, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thấy rõ hành vi vi phạm pháp luật của mình và hứa sẽ không tái phạm. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét cần sửa bản án sơ thẩm giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ chăm sóc gia đình cải tạo thành một công dân tốt. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo T và P xin giảm nhẹ hình phạt

nhưng không chấp nhận kháng cáo cho hưởng án treo theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo Cao Trần T và Phan Ngọc P không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Cao Trần T và Phan Ngọc P, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 54; điều 90; điều 91; điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Cao Trần T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phan Ngọc P 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo Cao Trần T và Phan Ngọc P không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên Án.

Nơi nhân:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CA thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính

